

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 601

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. Trong các số sau, số nào chia hết cho 5?

- A. 102. B. 46. C. 225. D. 81.

Câu 2. Số 24 được biểu diễn bằng số La Mã là

- A. XXIV. B. XXIII. C. XXVI. D. VVIV.

Câu 3. Số nào thuộc tập hợp số tự nhiên trong các số sau?

- A. $1\frac{3}{4}$. B. $\frac{5}{8}$. C. 1,5. D. 2.

Câu 4. Trong phép chia cho 3, có thể có số dư là

- A. 3. B. 5. C. 4. D. 2.

Câu 5. Trong các hình sau, hình có 4 cạnh bằng nhau là

- A. Hình bình hành. B. Hình thoi. C. Hình chữ nhật. D. Hình thang cân.

Câu 6. Cho tam giác đều ABC có cạnh $AC = 6\text{ cm}$. Khi đó cạnh BC có độ dài là

- A. 6 dm. B. 6 cm. C. 8 cm. D. 3 cm.

Câu 7. Cho hình bình hành $ABCD$, nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. $AB = CD$. B. $AC = AB$. C. $BC = CD$. D. $AD = DC$.

Câu 8. Số 508 đọc là

- A. Năm linh tám. B. Năm trăm tám mươi.
C. Năm trăm linh tám. D. Năm mươi tám.

Câu 9. Số liền sau của số 2022 là

- A. 2024. B. 2021. C. 2023. D. 2020.

Câu 10. Cho tập hợp $M = \{2; 3; a; 5; 8\}$. Cách viết nào sau đây là đúng?

- A. $5 \in M$. B. $a \notin M$. C. $9 \in M$. D. $\{5\} \in M$.

Câu 11. Khẳng định nào sau đây **không** là yếu tố cơ bản của hình thang cân?

- A. Hai đường chéo bằng nhau. B. Hai cạnh bên bằng nhau.
C. Hai góc kề một đáy bằng nhau. D. Hai cạnh bên song song với nhau.

Câu 12. Giá trị của chữ số 8 trong số 3892 là

- A. 8000. B. 100. C. 800. D. 80.

Câu 13. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là

- A. $\{\} \rightarrow () \rightarrow []$. B. $\{\} \rightarrow [] \rightarrow ()$. C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{\}$. D. $() \rightarrow [] \rightarrow \{\}$.

Câu 14. Kết quả của phép tính $4^7 \cdot 4^3$ là

- A. 4^{10} . B. 16^{10} . C. 4^{21} . D. 4^4 .

Câu 15. Khi viết gọn tích $3.5.15.15$ bằng cách dùng lũy thừa, kết quả đúng là

- A. 15^3 . B. 15^4 . C. 5^3 . D. 15^2 .

Câu 16. Tập hợp các ước của 10 là

- A. $\{1; 2; 5; 10\}$. B. 1; 2; 5; 10. C. $\{2; 5\}$. D. $\{0; 1; 2; 5; 10\}$.

Câu 17. Một mảnh vườn hình vuông có chiều dài cạnh là 15 m. Khi đó chu vi mảnh vườn là

- A. $60 m^2$. B. 225 m. C. 30 m. D. 60 m.

Câu 18. Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{25}{60}$. B. $\frac{35}{17}$. C. $\frac{8}{12}$. D. $\frac{55}{121}$.

Câu 19. Số nguyên tố nhỏ nhất là

- A. 0. B. 2. C. 3. D. 1.

Câu 20. Số nào không có số liền trước trong các số sau?

- A. 3. B. 0. C. 6. D. 2.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21. (1,5 điểm)

1. Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử:

$$A = \{x \in \mathbb{N} | 3 \leq x < 8\}.$$

2. Thực hiện phép tính:

a) $25.48 + 25.52$; b) $44 + 5 \cdot (2^3 - 3) - 2022^0$.

Câu 22. (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a) $86 - x = 50$; b) $(8 + x) : 5 = 6$.

Câu 23. (1,5 điểm)

Nhà bạn An được ông nội tặng cho một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 36 m và chiều rộng 27 m.

a) Em hãy vẽ minh họa trên giấy mảnh đất nhà bạn An bằng hình chữ nhật $ABCD$ có cạnh AB dài 4 cm và cạnh BC dài 3 cm.

b) Em hãy giúp bạn An tính diện tích mảnh đất đó.

Câu 24. (1,0 điểm)

Số nhà của bác Hùng là một số tự nhiên có ba chữ số. Trong đó, chữ số hàng trăm là 7, chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bị mờ nên không nhìn rõ. Hỏi số nhà của bác Hùng là bao nhiêu, biết rằng số đó là bội của cả 4; 7 và 9.

-----Hết-----

Cán bộ coi không giải thích gì thêm.

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 602

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. Cho tập hợp $M = \{2; 3; a; 5; 8\}$. Cách viết nào sau đây là **đúng**?

- A. $9 \in M$. B. $\{5\} \in M$. C. $a \notin M$. D. $5 \in M$.

Câu 2. Một mảnh vườn hình vuông có chiều dài cạnh là 15 m . Khi đó chu vi mảnh vườn là

- A. 60 m^2 . B. 225 m . C. 60 m . D. 30 m .

Câu 3. Kết quả của phép tính $4^7 \cdot 4^3$ là

- A. 4^{21} . B. 4^{10} . C. 4^4 . D. 16^{10} .

Câu 4. Giá trị của chữ số 8 trong số 3892 là

- A. 800. B. 80. C. 100. D. 8000.

Câu 5. Khi viết gọn tích $3 \cdot 5 \cdot 15 \cdot 15$ bằng cách dùng lũy thừa, kết quả **đúng** là

- A. 15^2 . B. 5^3 . C. 15^3 . D. 15^4 .

Câu 6. Trong các hình sau, hình có 4 cạnh bằng nhau là

- A. Hình chữ nhật. B. Hình thoi. C. Hình bình hành. D. Hình thang cân.

Câu 7. Số nguyên tố nhỏ nhất là

- A. 3. B. 2. C. 0. D. 1.

Câu 8. Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{8}{12}$. B. $\frac{55}{121}$. C. $\frac{35}{17}$. D. $\frac{25}{60}$.

Câu 9. Số 508 đọc là

- A. Năm trăm tám mươi. B. Năm linh tám.
C. Năm mươi tám. D. Năm trăm linh tám.

Câu 10. Số nào thuộc tập hợp số tự nhiên trong các số sau?

- A. 2. B. $1\frac{3}{4}$. C. 1,5. D. $\frac{5}{8}$.

Câu 11. Số 24 được biểu diễn bằng số La Mã là

- A. XXVI. B. VVIV. C. XXIII. D. XXIV.

Câu 12. Cho tam giác đều ABC có cạnh $AC = 6\text{ cm}$. Khi đó cạnh BC có độ dài là

- A. 8 cm . B. 6 dm . C. 6 cm . D. 3 cm .

Câu 13. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là

- A. $\{\} \rightarrow [] \rightarrow ()$. B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{\}$. C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{\}$. D. $\{\} \rightarrow () \rightarrow []$.

Câu 14. Số liền sau của số 2022 là

- A. 2024. B. 2021. C. 2023. D. 2020.

Câu 15. Khẳng định nào sau đây **không** là yếu tố cơ bản của hình thang cân?

- A. Hai cạnh bên bằng nhau. B. Hai đường chéo bằng nhau.
C. Hai cạnh bên song song với nhau. D. Hai góc kề một đáy bằng nhau.

Câu 16. Số nào không có số liền trước trong các số sau?

- A. 3. B. 2. C. 6. D. 0.

Câu 17. Tập hợp các ước của 10 là

- A. 1; 2; 5; 10. B. {1; 2; 5; 10}. C. {2; 5}. D. {0; 1; 2; 5; 10}.

Câu 18. Cho hình bình hành ABCD, nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. $BC = CD$. B. $AC = AB$. C. $AB = CD$. D. $AD = DC$.

Câu 19. Trong các số sau, số nào chia hết cho 5?

- A. 46. B. 102. C. 81. D. 225.

Câu 20. Trong phép chia cho 3, có thể có số dư là

- A. 2. B. 5. C. 3. D. 4.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21. (1,5 điểm)

1. Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử:

$$A = \{x \in \mathbb{N} | 3 \leq x < 8\}.$$

2. Thực hiện phép tính:

a) $25.48 + 25.52$; b) $44 + 5 \cdot (2^3 - 3) - 2022^0$.

Câu 22. (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a) $86 - x = 50$; b) $(8 + x) : 5 = 6$.

Câu 23. (1,5 điểm)

Nhà bạn An được ông nội tặng cho một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 36 m và chiều rộng 27 m.

a) Em hãy vẽ minh họa trên giấy mảnh đất nhà bạn An bằng hình chữ nhật ABCD có cạnh AB dài 4 cm và cạnh BC dài 3 cm.

b) Em hãy giúp bạn An tính diện tích mảnh đất đó.

Câu 24. (1,0 điểm)

Số nhà của bác Hùng là một số tự nhiên có ba chữ số. Trong đó, chữ số hàng trăm là 7, chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bị mờ nên không nhìn rõ. Hỏi số nhà của bác Hùng là bao nhiêu, biết rằng số đó là bội của cả 4; 7 và 9.

-----Hết-----

Cán bộ coi không giải thích gì thêm.

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 603

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. Khẳng định nào sau đây **không** là yếu tố cơ bản của hình thang cân?

- A. Hai góc kề một đáy bằng nhau. B. Hai cạnh bên song song với nhau.
C. Hai đường chéo bằng nhau. D. Hai cạnh bên bằng nhau.

Câu 2. Số liền sau của số 2022 là

- A. 2020. B. 2023. C. 2021. D. 2024.

Câu 3. Tập hợp các ước của 10 là

- A. $\{2; 5\}$. B. $1; 2; 5; 10$. C. $\{1; 2; 5; 10\}$. D. $\{0; 1; 2; 5; 10\}$.

Câu 4. Kết quả của phép tính $4^7 \cdot 4^3$ là

- A. 4^{10} . B. 16^{10} . C. 4^{21} . D. 4^4 .

Câu 5. Cho hình bình hành ABCD, nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. $AC = AB$. B. $AB = CD$. C. $BC = CD$. D. $AD = DC$.

Câu 6. Cho tam giác đều ABC có cạnh $AC = 6 \text{ cm}$. Khi đó cạnh BC có độ dài là

- A. 6 cm . B. 6 dm . C. 8 cm . D. 3 cm .

Câu 7. Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{8}{12}$. B. $\frac{55}{121}$. C. $\frac{25}{60}$. D. $\frac{35}{17}$.

Câu 8. Số 508 đọc là

- A. Năm mươi tám. B. Năm trăm tám mươi.
C. Năm linh tám. D. Năm trăm linh tám.

Câu 9. Số 24 được biểu diễn bằng số La Mã là

- A. VVIV. B. XXIV. C. XXIII. D. XXVI.

Câu 10. Một mảnh vườn hình vuông có chiều dài cạnh là 15 m . Khi đó chu vi mảnh vườn là

- A. 60 m^2 . B. 60 m . C. 225 m . D. 30 m .

Câu 11. Giá trị của chữ số 8 trong số 3892 là

- A. 100. B. 80. C. 800. D. 8000.

Câu 12. Số nào không có số liền trước trong các số sau?

- A. 3. B. 6. C. 2. D. 0.

Câu 13. Số nào thuộc tập hợp số tự nhiên trong các số sau?

- A. 1,5. B. $1\frac{3}{4}$. C. 2. D. $\frac{5}{8}$.

Câu 14. Trong phép chia cho 3, có thể có số dư là

- A. 4. B. 5. C. 2. D. 3.

Câu 15. Số nguyên tố nhỏ nhất là

- A. 3. B. 2. C. 0. D. 1.

Câu 16. Trong các số sau, số nào chia hết cho 5?

- A. 225. B. 102. C. 81. D. 46.

Câu 17. Cho tập hợp $M = \{2; 3; a; 5; 8\}$. Cách viết nào sau đây là **đúng**?

- A. $a \notin M$. B. $5 \in M$. C. $\{5\} \in M$. D. $9 \in M$.

Câu 18. Khi viết gọn tích $3.5.15.15$ bằng cách dùng lũy thừa, kết quả **đúng** là

- A. 15^2 . B. 15^4 . C. 15^3 . D. 5^3 .

Câu 19. Trong các hình sau, hình có 4 cạnh bằng nhau là

- A. Hình bình hành. B. Hình thang cân. C. Hình thoi. D. Hình chữ nhật.

Câu 20. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là

- A. $[\] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$. B. $() \rightarrow [\] \rightarrow \{ \}$. C. $\{ \} \rightarrow [\] \rightarrow ()$. D. $\{ \} \rightarrow () \rightarrow [\]$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21. (1,5 điểm)

1. Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử:

$$A = \{x \in \mathbb{N} | 3 \leq x < 8\}.$$

2. Thực hiện phép tính:

a) $25.48 + 25.52$; b) $44 + 5 \cdot (2^3 - 3) - 2022^0$.

Câu 22. (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a) $86 - x = 50$; b) $(8 + x) : 5 = 6$.

Câu 23. (1,5 điểm)

Nhà bạn An được ông nội tặng cho một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 36 m và chiều rộng 27 m.

a) Em hãy vẽ minh họa trên giấy mảnh đất nhà bạn An bằng hình chữ nhật $ABCD$ có cạnh AB dài 4 cm và cạnh BC dài 3 cm.

b) Em hãy giúp bạn An tính diện tích mảnh đất đó.

Câu 24. (1,0 điểm)

Số nhà của bác Hùng là một số tự nhiên có ba chữ số. Trong đó, chữ số hàng trăm là 7, chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bị mờ nên không nhìn rõ. Hỏi số nhà của bác Hùng là bao nhiêu, biết rằng số đó là bội của cả 4; 7 và 9.

-----Hết-----

Cán bộ coi không giải thích gì thêm.

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 604

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. Số nào không có số liền trước trong các số sau?

- A. 3. B. 2. C. 6. D. 0.

Câu 2. Trong phép chia cho 3, có thể có số dư là

- A. 2. B. 5. C. 3. D. 4.

Câu 3. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là

- A. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$. B. $\{ \} \rightarrow () \rightarrow []$. C. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$. D. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$.

Câu 4. Khẳng định nào sau đây **không** là yếu tố cơ bản của hình thang cân?

- A. Hai đường chéo bằng nhau. B. Hai cạnh bên song song với nhau.
C. Hai cạnh bên bằng nhau. D. Hai góc kề một đáy bằng nhau.

Câu 5. Số 24 được biểu diễn bằng số La Mã là

- A. XXVI. B. XXIV. C. XXIII. D. VVIV.

Câu 6. Trong các hình sau, hình có 4 cạnh bằng nhau là

- A. Hình thang cân. B. Hình chữ nhật. C. Hình bình hành. D. Hình thoi.

Câu 7. Số 508 đọc là

- A. Năm trăm tám mươi. B. Năm trăm linh tám.
C. Năm linh tám. D. Năm mươi tám.

Câu 8. Số nguyên tố nhỏ nhất là

- A. 3. B. 1. C. 2. D. 0.

Câu 9. Một mảnh vườn hình vuông có chiều dài cạnh là 15 m. Khi đó chu vi mảnh vườn là

- A. 225 m. B. $60 m^2$. C. 30 m. D. 60 m.

Câu 10. Khi viết gọn tích $3.5.15.15$ bằng cách dùng lũy thừa, kết quả **đúng** là

- A. 15^2 . B. 15^4 . C. 5^3 . D. 15^3 .

Câu 11. Cho hình bình hành ABCD, nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. $AD = DC$. B. $AC = AB$. C. $BC = CD$. D. $AB = CD$.

Câu 12. Kết quả của phép tính $4^7 \cdot 4^3$ là

- A. 4^4 . B. 4^{10} . C. 4^{21} . D. 16^{10} .

Câu 13. Số nào thuộc tập hợp số tự nhiên trong các số sau?

- A. 2. B. $1\frac{3}{4}$. C. 1,5. D. $\frac{5}{8}$.

Câu 14. Trong các số sau, số nào chia hết cho 5?

- A. 102. B. 46. C. 225. D. 81.

Câu 15. Cho tam giác đều ABC có cạnh $AC = 6 \text{ cm}$. Khi đó cạnh BC có độ dài là

- A. 6 cm. B. 3 cm. C. 6 dm. D. 8 cm.

Câu 16. Cho tập hợp $M = \{2; 3; a; 5; 8\}$. Cách viết nào sau đây là **đúng**?

A. $9 \in M$.

B. $5 \in M$.

C. $a \notin M$.

D. $\{5\} \in M$.

Câu 17. Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

A. $\frac{8}{12}$.

B. $\frac{55}{121}$.

C. $\frac{25}{60}$.

D. $\frac{35}{17}$.

Câu 18. Tập hợp các ước của 10 là

A. $\{2; 5\}$.

B. $\{1; 2; 5; 10\}$.

C. $1; 2; 5; 10$.

D. $\{0; 1; 2; 5; 10\}$.

Câu 19. Số liền sau của số 2022 là

A. 2023.

B. 2021.

C. 2020.

D. 2024.

Câu 20. Giá trị của chữ số 8 trong số 3892 là

A. 800.

B. 80.

C. 8000.

D. 100.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21. (1,5 điểm)

1. Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử:

$$A = \{x \in \mathbb{N} | 3 \leq x < 8\}.$$

2. Thực hiện phép tính:

a) $25.48 + 25.52$;

b) $44 + 5 \cdot (2^3 - 3) - 2022^0$.

Câu 22. (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a) $86 - x = 50$;

b) $(8 + x) : 5 = 6$.

Câu 23. (1,5 điểm)

Nhà bạn An được ông nội tặng cho một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 36 m và chiều rộng 27 m.

a) Em hãy vẽ minh họa trên giấy mảnh đất nhà bạn An bằng hình chữ nhật $ABCD$ có cạnh AB dài 4 cm và cạnh BC dài 3 cm.

b) Em hãy giúp bạn An tính diện tích mảnh đất đó.

Câu 24. (1,0 điểm)

Số nhà của bác Hùng là một số tự nhiên có ba chữ số. Trong đó, chữ số hàng trăm là 7, chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bị mờ nên không nhìn rõ. Hỏi số nhà của bác Hùng là bao nhiêu, biết rằng số đó là bội của cả 4; 7 và 9.

-----Hết-----

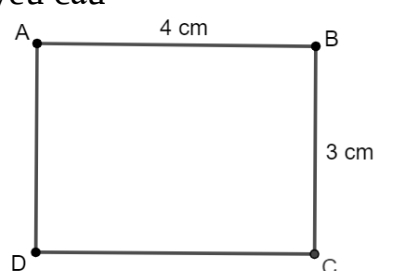
Cán bộ coi không giải thích gì thêm.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

(Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm)

Câu Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
601	C	A	D	D	B	B	A	C	C	A	D	C	D	A	A	A	D	B	B	B
602	D	C	B	A	C	B	B	C	D	A	D	C	B	C	C	D	B	C	D	A
603	B	B	C	A	B	A	D	D	B	B	C	D	C	C	B	A	B	C	C	B
604	D	A	C	B	B	D	B	C	D	D	D	B	A	C	A	B	D	B	A	A

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn, tóm tắt lời giải	Điểm
Câu 21		1,5 điểm
1)	Ta có $A = \{x \in \mathbb{N} 3 \leq x < 8\}$ Suy ra $A = \{3; 4; 5; 6; 7\}$	0,5
2)	a) $25.48 + 25.52 = 25.(48 + 52)$ $= 25.100 = 2500$	0,25 0,25
	b) $44 + 5.(2^3 - 3) - 2022^0 = 44 + 5.(8 - 3) - 1$ $= 44 + 5.5 - 1$ $= 44 + 25 - 1 = 68$	0,25 0,25
Câu 22		1,0 điểm
a)	$86 - x = 50$ $x = 86 - 50$ $x = 36$ Vậy...	0,25 0,25
	b) $(8 + x): 5 = 6$ $8 + x = 6.5$ $8 + x = 30$ $x = 30 - 8 = 22$ Vậy...	0,25 0,25
Câu 23		1,5 điểm
a)	Vẽ đúng hình theo yêu cầu 	0,75

